

THÌ TƯƠNG LAI ĐƠN

ĐỘNG TỪ TOBE

- ⊕ S + will + be...
- ⊖ S + will not + be +...
- ? Will + S + be ...?

ĐỘNG TỪ THƯỜNG

- ⊕ S + will + V
- ⊖ S + will not + V ...
- ? Will + S + V ...?

THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN

ĐỘNG TỪ TOBE

- ⊕ S + was/were+...
- ⊖ S + was/were + not +...
- ? Was/Were + S ...?

ĐỘNG TỪ THƯỜNG

- ⊕ S + V(ed)
- ⊖ S + did + not + V ...
- ? Did + S + V ...?

Chia động từ trong các câu sau theo đúng thì tương lai đơn hoặc quá khứ đơn

1. I can't come on the march **tomorrow**. I _____ (look after) my cousins.
2. I'm **sure** they _____ (lose) the match.
3. My brother **thinks** it _____ (snow) **tomorrow**.
4. This time **next** week I _____ (not drink) wine in Argentina.
5. In the **future**, I think humans _____ (wipe out) many different species.
6. Your grandparents _____ (be) delighted when they saw you **last** week.
7. We _____ (tidy) our rooms **yesterday**.
8. She **thinks** that the Take That concert _____ (be) really exciting.
9. **Tomorrow** I _____ (not paint) all day.
10. My aunt _____ (not be) at the family wedding **last** weekend.
11. _____ (I/ see) you **tomorrow** at 3:00 PM?
12. (we/go) _____ to go to the swimming pool **last** week?
13. My sister _____ (cook) dinner **last** night.
14. **In five-year time**, I _____ (be) at university.
15. (it/be) _____ my friend's birthday **yesterday**?
16. Our team _____ (not win) the **last** match of the season.